

80 Pièce
INDO-CHINOIS

2900

DEPT. LEV. INDOCHINE
No 21/86

THUYẾT THẬP-NHI NHÂN-DUYÊN CỦA PHẬT-GIÁO

Bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM
diễn hồi 7 giờ tối ngày 17 tháng chạp năm Ất-hợi,
tức là ngày 11 Janvier 1936
tại chùa Quán-sứ, số 73, phố Richaud, Hanoi.



IMPRIMERIE TRUNG-BAC TAN-VAN

61-63, rue du Coton, Hanoi

1 9 3 6

80 Indoch. Pièce
2900

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1950

1950

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

1950

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 21/88

Thuyết thập-nhi nhân-duyên của Phật-giáo

Nam-mô A-di-đà Phật.

Thưa các cụ,

Thưa các giáo-hữu,

Hội Phật-giáo đặt ra cuộc giảng-diễn hàng tháng này, chủ-ý là đem giáo-lý của đạo Phật mà bày tỏ ra để mọi người ai nấy đều hiểu rõ đến chỗ sâu xa mà tin theo một cách cho chính-dáng. Nhưng vì đạo Phật là một đạo rất giàu về đường tư-tưởng⁽¹⁾ và rất cao về đường nghĩa-lý, cho nên càng bàn càng rộng, càng nói càng nhiều, các lý-thuyết⁽²⁾ liên-miên bề-bộn, không biết đâu là cùng tận. Nếu ta không lựa lọc lấy những điều cốt-tử mà giảng giải ra cho phân-minh rõ-ràng, thì tôi e rằng không mấy người theo đạo Phật mà thật hiểu được đạo Phật.

Ta đã tin theo một đạo mà ta lại lơ-mờ không biết rõ phần tinh-t túy của đạo ấy là thế nào, cứ thấy người ta nói làm sao, ta bảo-hao làm vậy, rồi để cái thói quen nó sai khiến, để lòng tư-dục⁽³⁾ nó che lấp, tin những điều huyền-hoặc⁽⁴⁾, làm những điều nhảm-nhí, điên-cuồng, đại-dột, mất cả cái bản-tính sáng suốt có sẵn ở trong lòng ta. Sự tin theo như

1. *Tư-tưởng* : Sự tưởng nghĩ ở trong óc.
2. *Lý-thuyết* : Cái thuyết bàn về đạo lý.
3. *Tư-dục* : Lòng muốn riêng của từng người.
4. *Huyền-hoặc* : Sai-lầm.

8° Indoch. pièce
2900

thể lại thành ra sự mê-tín, chứ không phải là sự chuyên-mê khai-ngộ⁽¹⁾ như cái đại mục-đích của đạo Phật nữa. Bởi thế cho nên thiết tưởng ta nên đem cái phần cao thâm trong lý-thuyết của Phật-giáo mà bàn-luận, trước là cho đúng với cái mục-đích của Hội, sau là để cùng nhau ta hiểu được rõ-ràng cái tôn-giáo ta đã tin theo.

Đạo Phật là đạo gồm cả hai phương-diện: thế-gian⁽²⁾ và xuất thế-gian⁽³⁾, tức là cái đạo xét rõ thế-gian là thế nào, để mà tìm cách giải-thoát ra ngoài thế-gian. Đạo ấy chủ ở cái thuyết *Thập-nhị nhân-duyên*, là câu chuyện tôi xin nói hầu các cụ và các giáo-hữu hôm nay, mà trước kia tôi đã nói qua cái đại-cương.

Cái thuyết này mà xét cho đến nơi đến chốn, thì cũng có phần khó thật. Nhưng ta có tới chỗ khó, thì ta mới thấy rõ cái hay cái đẹp. Nói đến đây, tôi lại nhớ một câu cách-ngôn của nhà văn-học nước Pháp nói rằng: «Cò gặm vỡ cái xương, thì mới hút được cái tủy ngon.» Gặm vỡ cái xương để hút lấy cái tủy ngon, ấy là một điều thí-dụ bảo ta phải chịu khó, phải mất công-phu mới được hưởng cái ngon cái lành. Vậy tôi xin đem một câu chuyện nói về cái lý-thuyết rất khó để hiển các giáo-hữu, và xin các giáo-hữu đem lòng nhẫn-nại⁽⁴⁾ mà cố hiểu lấy một điều rất đáng hiểu trong Phật-giáo.

1. *Chuyên-mê khai-ngộ*: Đòi cái mê, mở cái tỉnh.

2. *Thế-gian*: Khoảng đời ở trong trời đất có muôn loài sống chết sinh nở.

3. *Xuất thế-gian*: Ra ngoài thế-gian.

4. *Nhẫn-nại*: Chịu khó.

Thừa các giáo-hữu,

Cái đạo của đức Thế-tôn Thích-ca mâu-ni Phật lập ra ở Ấn-độ khi xưa, cốt yếu ở trong cái thuyết *Tứ thánh-đế* 四聖諦 (Catvary Arya-Satyani) và *Thập-nhị nhân-duyên* 十二因緣 (dvadasa nidānas). Đó là phần đặc-biệt của đạo Phật, mà Phật-tổ đã khởi-xương lên trước tiên cả. Còn những thuyết bàn về luân-hồi (1), về nghiệp-báo (2) và các phương-pháp để tìm sự giải-thoát, v. v... đều đã có từ trước khi có đạo Phật. Đức Thích-ca sở dĩ xưng lên cái thuyết ấy mà lập ra một học-phái khác, là vì thuở bấy giờ số nhiều người Ấn-độ có cái quan-niệm yếm-thế (3) cứ say đắm vào cái tư-tưởng siêu-việt (4) ra ngoài cuộc nhân-sinh, và đi tìm những sự tu-hành rất khổ-hạnh để cầu lấy sự giải-thoát ra khỏi luân-hồi. Chính ngài khi mới xuất-gia, ngài cũng đi học theo các phái đang thịnh-hành thuở ấy. Sau sáu năm khổ-hạnh, ngài thấy sự tu-hành ấy không có liễu-kết (5) gì, ngài mới bỏ đến ngồi ở gốc cây bồ-đề, theo trung-đạo, nghĩa là theo cái đạo chính giữa, cứ ăn mặc như thường để có đủ sức khỏe mà suy nghĩ cho ra cái duyên-do của sự sống chết ở đời. Ngài ngồi ở gốc cây bồ-đề 49 ngày, suy xét các lẽ của tạo-hóa, mới tìm thấy rõ bốn điều chân-thực và cái căn-nguyên của sự sinh-tử.

1. *Luân-hồi* : Thay đổi chuyển vần, hết kiếp này đến kiếp khác.

2. *Nghiệp báo* : Sự báo ứng do việc làm gây ra.

3. *Quan-niệm yếm-thế* : Sự tưởng nghĩ chán đời.

4. *Siêu-việt* : Cao xa vượt lên trên sự thường.

5. *Liễu-kết* : Kết-quả.

Ấy là từ đó ngài thành chính-quả và được cái đạo A-nậu-da-la tam-diều tam-bồ-đề, tức là cái đạo vô thượng chính-dẳng chính-giác.

Phật đã đắc đạo rồi, ngài nghĩ nên tìm cái phương-tiện (1) nào mà dạy cho nhân chúng hiểu được cái đạo của ngài, để đem chúng-sinh ra ngoài cái khổ luân-hồi. Ngài biết rằng cái thuyết siêu-việt viển-vông của các phái Bà-la-môn không có ích gì cho đời, cho nên ngài chỉ vụ lấy sự thực-nghiệm có nghĩa-lý chắc-chắn mà giải-quyết cái vấn-đề sinh-tử của vạn-vật. Ngài cho các bậc trời và các bậc thần thánh không phải là không có, song những bậc ấy dù có trường-thọ được đến mấy muôn kiếp nữa, rồi cũng không ra khỏi cái vòng biến-hóa (le devenir) của vũ-trụ. Vậy trời thánh tự mình chưa giải-thoát được lấy mình, còn giải-thoát được cho ai? Bởi lẽ ấy cho nên đạo của Phật không lấy sự cầu-nguyện trời thánh làm trọng, không nương-tựa vào cái sức thiêng-liêng nào ở ngoài cái tâm của mình, và chỉ vụ lấy cái sức tự cường của mình mà giải-thoát lấy mình. Đó là cái đặc-sắc (2) của đạo Phật, không có tính ý-lại (3), không có sự mê-tín, chỉ một mình tự phấn-chấn lên mà chống chọi với tạo-hóa, để thoát ra ngoài cái lưới của tạo-hóa. Cái đạo ấy thật là độc-nhất vô nhị (4) ở trong thế-gian, khiến người ta có cái tính tự-cường tự-lập để mà cứu mình và cứu người.

1. *Phương-tiện*: Phương-pháp tiện lợi.

2. *Đặc sắc*: Vẻ riêng.

3. *Ý-lại*: Nương nhờ.

4. *Độc nhất vô nhị*: Có một không hai.

Nhưng muốn tìm được cái lối để thoát ra ngoài vòng tạo - hóa, thì ta cần phải biết tạo-hóa là thế nào. Vậy nên lúc đầu Phật chú-trọng ở cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên là cội nguồn của thế-gian. Thế-gian sở-dĩ có là bởi có cái nhân với cái duyên. Cái nhân nhờ có cái duyên mới nảy nở ra được mà thành cái quả. Quả lại gây ra nhân khác, rồi cứ nối nhau như thế mà sinh sinh hóa hóa mãi. Vậy nên đạo của Phật chỉ nhận ở trong vũ-trụ có sự biến-hóa vô-thường mà thôi, chứ không nhận có một vị thần nào sáng-tạo ra vạn vật cả. Xem như trong sách *Thành-duy-thức-luận* 成唯識論 nói rằng: « Có người cố-chấp là có đấng Đại-tự-tại-thiên⁽¹⁾, có bản-thể chân-thực, bao-quát khắp cả và lúc nào cũng thương-định, sinh ra chư pháp. Sự thiên-chấp ấy không có lý, là tại sao? Tại rằng: Nếu cái pháp mà sinh ra được, tất là không thương; mà những cái không thương thì tất không bao-quát khắp cả; những cái không bao-quát khắp cả là không chân-thực. Cái thể mà thương và bao-quát khắp cả, thì có đủ mọi công-năng⁽²⁾, đáng lẽ là khắp hết thấy mọi nơi cùng ngay một lúc sinh ra hết thấy chư pháp. Chứ lại đợi đến có cái duyên mới sinh ra được, thì là trái với cái luận « nhất nhân 一因 ».

Sách *Thập-nhị-môn luận* 十二門論 nói rằng: « Ví bằng Tự-tại-thiên tạo-tác ra chúng sinh, thì không lẽ lại đem cái khổ mà phú-giữ cho con là

1. Đại-tự-tại thiên : Danh hiệu đấng chủ tể trên trời.

2. Công-năng : Cái sức làm ra được mọi việc.

chúng-sinh. Ấy cho nên không nên nói là Tự-tại-thiên tạo-tác ra chúng-sinh. » — « Đã là Tự-tại, thì đáng lẽ không có sự nhu-dụng ⁽¹⁾ gì cả; nếu vì có sự nhu-dụng mà tạo-tác ra chúng-sinh, thì không gọi được là Tự-tại. Nếu không có sự nhu-dụng, thì biến-hóa tạo-tác ra vạn vật như trò trẻ con để làm gì? » — « Nếu Tự-tại tạo-tác ra chúng-sinh, thì ai tạo-tác ra Tự-tại? Nếu Tự-tại tự tạo-tác lấy mình thì không phải, cũng như vạn vật không thể tự tạo-tác lấy mình được. Nếu lại có kẻ khác tạo-tác ra mình, thì không gọi được là Tự-tại nữa. » — « Nếu là Tự-tại tạo-tác ra vạn vật, thì tạo-tác vạn vật ở chỗ nào? Chỗ ấy là chỗ của Tự-tại tạo-tác ra, hay là của kẻ khác tạo-tác ra? Nếu là của Tự-tại tạo-tác ra, thì chỗ ấy ở đâu? Nếu ở chỗ khác, thì chỗ khác ấy, ai tạo-tác ra? Như thế thì vô cùng. Nếu là kẻ khác tạo-tác ra, thì lại là có hai Tự-tại, việc ấy không thể nào có được. Vậy nên vạn vật ở trong thế-gian không phải của Tự-tại tạo-tác ra. » — « Nếu Tự-tại tạo-tác ra vạn vật, thì ngay từ lúc đầu là nhất-định, chứ lẽ nào lại biến: ngựa là con ngựa cứ thường mãi không biến, người là con người cứ thường mãi không biến; nay lại theo cái nghiệp mà biến, thì nên biết là không phải của Tự-tại tạo-tác ra. » — « Nếu Tự-tại đã tạo-tác ra vạn vật, thì tức là không có tội phúc, thiện ác, xấu đẹp; những điều ấy đều ở ngoài đến cả. Mà thực thì có tội phúc, cho nên không phải là Tự-tại tạo-tác ra vạn vật. » — « Nếu không có nhân-duyên mà là Tự-tại, thì nhất thiết

1. *Nhu-dụng* : Cần dùng.

chúng-sinh cũng là Tự-tại mới phải. Nhưng thực thi không thể. Vậy nên biết rằng không phải Tự-tại tạo-tác ra. Nếu Tự-tại lại do cái khác mà có, thì cái khác lại do cái khác nữa, như thế thì vô-cùng ; vô-cùng thì là không có nhân. Có các thứ nhân-duyên, thì nên biết vạn vật không phải Tự-tại sinh ra.»... Sách *Du-da-luận* 瑜伽論 cũng có nhiều chỗ bác cái lẽ cho Tự-tại làm vạn vật nhân, nghĩa là làm cái gốc, cái nguyên-nhân của vạn vật.

Những chứng ấy đủ rõ là đạo Phật tuy nhận có Phán-thiên là chủ-tể trên trời, nhưng không nhận Phán-thiên là đấng tạo-tác ra vạn vật. Phật cho là các đấng thần lớn ở trên trời tuy có ngôi cao, nhưng vẫn còn ở trong tam-giới, tức là còn phải ở trong vòng biến-hóa của vũ-trụ. Vậy nên sách Phật thường hay chép rằng Phán-thiên, Đế-thích xuống kêu cầu Phật thuyết-pháp để cho trời và người đều được giải-thoát.

Cái cuộc biến-hóa mà các vị thần lớn ở trên trời cũng không tránh khỏi đó, là căn-nguyên bởi đâu ? Bởi cái lẽ mờ-tối nó gây ra duyên và nghiệp, làm cho cái chân-thể đang yên-lặng sáng-suốt mà thành ra có hình có sắc, có còn có mất, có đau có khổ ; làm cho đang tuyệt-đối tịch-tĩnh⁽¹⁾ mà thành ra tương-đối vô-thường⁽²⁾. Cái tương-đối vô-thường ấy thay đổi mà có mãi, là bởi cái nhân-duyên cứ

1. *Tịch-lĩnh*: Im lặng.

2. *Tương-đối vô-thường* : Tương-đối là cái này đối với cái kia ; vô-thường là nay thế này mai thế khác.

tiếp-tục ⁽¹⁾ mà sinh sinh hóa hóa. Đó là cái thuyết căn-bản của đạo Phật nói về thế-gian. Tuy về sau đạo Phật có nhiều tôn nhiều phái, nhưng không có tôn nào phái nào vượt qua được cái thuyết ấy, mà bao giờ cái thuyết ấy vẫn đứng làm cái cột trụ rất vững-vàng của Phật-giáo. Dù đến ngày nay, khoa-học thịnh-hành lên, các lý-thuyết của những tôn-giáo khác đều rung-dộng, mà cái lý-thuyết nhân-duyên của Phật-giáo vẫn yên-vững như bàn thạch ⁽²⁾. Là bởi vì khoa-học vẫn không có cách nào mà giải-quyết được cái vấn-đề sinh-tử, thì tất phải nhận thế-gian là một cuộc biến-hóa vô-thường: có trước tất phải có sau, có sinh tất phải có tử, thành ra vẫn ở trong cái phạm-vi ⁽³⁾ của Phật-giáo. Chỉ trừ ra nói rằng: Ta hãy cứ biết sự hiện-tại trước mắt đã, rồi sau muốn ra thế nào thì ra. Nói như thế không phải là cách giải-quyết một vấn-đề. Hoặc nói rằng: Chỉ biết có cái sống là thực, còn cái chết là hết. Chết là hết, tức là không có gì nữa. Nếu cái sống là có, cái chết là không, thì cái sống bởi đâu mà ra? Không lẽ cái không là không có gì, mà lại sinh ra cái có được. Rút cục lại, cái cách lập luận của những nhà nói: Chết là hết vẫn lẫn-quần, không thành mối-manh nào cả.

Theo cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên của nhà Phật, thì rất hợp lý, rất rõ-ràng, mà không có chút

1. *Tiếp-tục*: Nối liền.

2. *Bàn thạch*: Tảng đá.

3. *Phạm-vi*: Khuôn vòng.

gi là huyền-hoặc, là mê-tín. Song cái thuyết ấy mới nghe thì tưởng là dễ, mà nghĩ ra thì rất khó. Vậy nên ta phải bàn cho kỹ để khỏi có sự lầm lẫn.

Trong cái thuyết ấy, có ba điều cốt-yếu là *nhân* 因 (hetu), *quả* 果 (phala) và *duyên* 緣 (pratyaya). Phạm sự vật gì phát-động⁽¹⁾ hay thành-tựu⁽²⁾ ở trong thế-gian là không ra được ngoài cái luật nhân quả. Cái gì phát-động ra là *nhân*, mà cái gì kết-tập⁽³⁾ thành-tựu làm sự thực là *quả*; như núi sông, đất nước, chim muông, cây cỏ, cho đến cái mây ở trong bụi trần, là đều có cái tướng quả hết cả. Mà đã có quả tướng tất là có nhân do, cho nên ta có thể cứ cái quả mà suy đến cái nhân được. Nói ngay như cái bàn để trước mắt ta đây, là một cái quả, bởi có các nhân khác mà thành ra. Những nhân ấy là gỗ, là người làm đồ gỗ. Có gỗ, có người, làm nhân thì mới thành cái quả là cái bàn ấy.

Đây ta nên biết rằng: cái tướng nhân⁽⁴⁾ và cái tướng quả⁽⁵⁾ cùng đồng thời mà sinh ra: như gỗ là nhân, nhưng ở trong gỗ đã có đủ cái thể-chất để làm bàn, tức là khi gỗ còn ở chỗ làm nhân, thì đã có cái tướng quả rồi; kịp đến khi làm thành cái bàn, thì cái bàn ấy là bàn gỗ, chứ không phải là bàn sắt hay bàn đá, thế là khi đã thành cái quả, cái tướng nhân vẫn còn. Cho nên cái tướng nhân và cái tướng

1. *Phát-động*: Khởi phát ra mà hành động.

2. *Thành-tựu*: Kết thành.

3. *Kết-tập*: Hạp kết lại.

4. *Tướng nhân*: Hình tướng của nhân.

5. *Tướng quả*: Hình tướng của quả.

quả tuy là riêng làm hai, nhưng vẫn đồng thời đều có cả.

Nhân với quả sinh lẫn ra nhau, mà sự sinh ra ấy nhờ có cái duyên. Thí-dụ như hạt thóc là cái quả của cây lúa đã thành, mà là cái nhân của cây lúa sắp thành. Vậy hạt thóc ta gieo xuống đất là cái nhân, nhưng hạt thóc mà thành ra được cây lúa có bông có quả là nhờ có ruộng đất, có nước, có ánh-sáng mặt trời và có nhân-công bồi dưỡng. Vậy ruộng đất, nước, ánh-sáng và nhân-công là duyên. Hạt thóc đã thành lại theo các duyên hòa-hợp với nhau mà thành ra cây lúa khác. Nhân mà không có duyên thì không thành được quả, cũng như hạt thóc mà không có ruộng, có nước v. v. thì cây lúa không mọc lên được. Vậy duyên là nói cái quan-hệ, cái tư-trợ, nó giúp cho cái nhân thành ra cái quả. Như thế, thì duyên không phải là một vật gì có tự-thể (1), mà là trở chung hết thấy mọi sự vật có thể tư-trợ (2) cho sự khởi-sinh của vạn pháp.

Về sau, phái Đại-thặng còn chia ra làm mấy thứ nhân và mấy thứ duyên, như ở trong sách *Đại-Trí-độ luận* 大智度論, tức là sách *Bát-nhã Ba-la-mật luận* 般若波羅蜜論, người ta định ra lục-nhân 六因 và tứ-duyên 四緣. Lục-nhân là: 1. *Tương-ứng nhân* 相應因, là cái nhân của tâm-vương và tâm-sở tương ứng với nhau, như bạn hữu hòa hợp để làm thành việc, (vương-tâm là đệ-bát thức hay là A-lại-da thức (Alaya Vijnâna), tâm-sở là cái mà tâm

1. *Tự-thể* : Cái thể riêng của nó.

2. *Tư-trợ* : Giúp đỡ.

dã thụ, tướng và hành mà có ; 2· *Câu hữu nhân* 俱有因, là cái nhân của tâm-vương và tâm-sở cùng có mà giúp đỡ lẫn nhau ; 3· *Đồng-loại nhân* 因類同, là cái nhân đồng một loài, như nhân thiện với nhân thiện, nhân ác với nhân ác ; 4· *Biến-hành nhân* 徧行因, là cái nhân cùng khởi một lúc khắp cả trong Khổ-đế và Tập-đế ; 5· *Dị-thục nhân* 異熟因, là cái nhân làm điều lành hay điều ác ở đời này, thì đời sau thành ra thiện báo hay ác báo ; 6· *Năng tác nhân* 能作因, là cái nhân nhờ có cái duyên khác mà có thể tạo-tác ra các quả. Tứ duyên là : 1· *Nhân-duyên* 因緣, là cái duyên làm cho nhân sinh ra quả, như lục-căn (nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý) làm nhân, lục-trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm duyên mà sinh ra lục-thức (nhãn-thức, nhĩ-thức v. v.) ; 2· *Thứ-đệ duyên* 次第緣, là cái duyên của tâm-vương và tâm-sở cứ thứ-tự theo nhau sinh ra mà không gián-cách, như tâm với tâm-sở đối với chư trần thì hết niệm này đến niệm khác không bao giờ dứt ; 3· *Duyên duyên* 緣緣, là duyên này nhờ duyên khác mà sinh, tức là cái duyên-lự của tâm ; 4· *Tăng-thượng duyên* 增上緣, là cái duyên làm cho có thêm sức ra, như lục-căn đối chiếu lục-trần thì có cái sức mạnh hơn lên để tùy duyên tùy khởi mà phát ra các thức, không có gì là chướng ngại.

Đại để, là về sau vì Phật-học cần phải biện-luận cho tinh-tường, nên chi mới phân-biệt ra các thứ nhân và duyên như thế, chứ lúc đầu chỉ nói có nhân-duyên là cái duyên làm cho nhân sinh ra quả

mà thôi. Nay ta theo cái nghĩa ấy mà xét xem cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên là có những gì và cái thuyết ấy quan-hệ với sự thực trong thế-gian là thế nào. Xem trong kinh nhà Phật, thì thường thấy kê cái số thập-nhị nhân-duyên như sau này :

Vô-minh 無明 *avidya* (I), — Hành 行 *samskaras* (II) — Thức 識 *vijnâna* (III), — Danh-sắc 名色 *nama-rûpa* (IV), — Lục-nhập 六入 *chadayatana* (V). — Xúc 觸 *sparça* (VI), — Thụ 受 *védana* (VII), — Ái 愛 *trichna* (VIII), — Thủ 取 *upadâna* (IX) — HỮU 有 *bhava* (X), — Sinh 生 *djati* (XI), — Lão tử 老死 *djarâ marana* (XII).

Cái số thập-nhị nhân-duyên ấy đều ở trong Tứ-đế, hoặc khai hoặc hợp mà ra, như là Vô-minh, Hành, Ái, Thủ, HỮU, là năm chi hợp làm Tập-đế; Thức, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc, Thụ, Sinh, Lão tử, là bảy chi mở ra làm Khổ-đế. Cái trí xem thấu cái lẽ sinh và diệt của nhân-duyên là Đạo-đế. Dứt được hết cả mười-hai nhân-duyên là Diệt-đế.

Thập-nhị nhân-duyên theo nhau liên-tiếp như nước sông chảy, cho nên sách nhà Phật gọi là *Duyên-hà* 緣河. Các nhân-duyên tụ-tập mà sinh ra mãi, gọi là *Duyên-hà mãn* 緣河滿, nghĩa là sông Duyên đầy tràn. Nếu cứ lần lượt dứt hết nhân-duyên nọ đến nhân-duyên kia, thì gọi là *Duyên-hà khuynh* 緣河傾, nghĩa là sông Duyên nghiêng cạn. Vậy nên nói rằng: Vô-minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh-sắc, Danh-sắc duyên Lục-nhập, Lục-nhập duyên Xúc, Xúc duyên

Thụ, Thụ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên HỮu, HỮu duyên Sinh, Sinh duyên Lão tử, ưu bi, khổ não. Thế gọi là *thuận sinh tử lưu* 順生死流, nghĩa là thuận cái giòng sinh-tử, thì mười-hai cái Duyên-hà đầy tràn lên. Vô-minh diệt, thì Hành diệt; Hành diệt thì Thức diệt; Thức diệt thì Danh-sắc diệt; Danh-sắc diệt thì Lục-nhập diệt; Lục-nhập diệt thì Xúc diệt; Xúc diệt thì Thụ diệt; Thụ diệt thì Ái diệt; Ái diệt thì Thủ diệt; Thủ diệt thì HỮu diệt; HỮu diệt thì Sinh diệt; Sinh diệt thì Lão tử, ưu bi, khổ não diệt. Thế gọi là *ngịch sinh tử lưu* 逆生死流, nghĩa là ngược cái giòng sinh-tử, thì mười-hai cái Duyên-hà nghiêng cạn đi. Làm cho các Duyên-hà nghiêng cạn đi, để khỏi sinh tử khổ não là Phật-pháp, mà làm cho các Duyên-hà đầy tràn lên, để cứ phải sinh-tử khổ-não mãi là chúng-sinh phiền-não.

Cái lẽ nhân-duyên là thế, mà hiểu cho thật suốt hết lẽ ấy, thì thật khó, cho nên kinh *Nát-bản* nói rằng: Cùng một thuyết Thập-nhị nhân-duyên mà ba bậc Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát, mỗi bậc tùy cái trí thiền thâm mà đạo pháp thành ra cao thấp. Bậc hạ-trí là Thanh-văn xem thấu cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên, thì được Thanh-văn bồ-đề. Vì rằng bậc ấy dùng cái trí hiểu cái không, trước xem thấu Thập-nhị nhân-duyên sinh, sau xem thấu Thập-nhị nhân-duyên diệt. Xem thấu sự sinh diệt ấy, thì liễu-ngộ ⁽¹⁾ được là phi sinh phi diệt, mà phá

1. *Liễu-ngộ*: Hiểu rõ.

được cái hoặc của sự kiến 見 và sự tư 思, và chứng được cái lý chân-không.

Đây ta nên biết rằng: tiếng nhà Phật gọi kiến là sự phân-biệt của ý-thức đối với pháp-cảnh (1) ở ngoài, nghĩa là đối với các hiện-trạng ở trong thế-gian; và gọi tư là sự tưởng-nghĩ, sự ham-thích do ngũ căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đối với ngũ trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Kiến với tư là hoặc-vọng (2) cả, cho nên gọi là kiến tư hoặc 見思惑.

Bậc trung-trí là Duyên-giác xem thấu cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên, thì được Duyên-giác bồ-đề. Vì rằng bậc ấy cũng dùng cái trí hiểu cái không, trước xem thấu Thập-nhị nhân-duyên sinh, sau xem thấu thập-nhị nhân-duyên diệt. Xem thấu sự sinh diệt ấy, thì liễu-ngộ được là phi sinh phi diệt, mà phá được cái hoặc của sự kiến và sự tư, và lại bỏ dần được cái tập-khí (3) của những sự hoặc ấy. Cùng có cái trí xem thấu ấy, nhưng ví với bậc Thanh-văn lại có phần hơn, cho nên sở chứng được cái lý chân-không cũng sâu hơn.

Bậc thượng-trí là Bồ-tát, vì bậc ấy cũng dùng cái trí hiểu cái không, xem thấu Thập-nhị nhân-duyên sinh và diệt, liễu-ngộ được là phi sinh phi diệt, mà dứt ngay được cái tập-khí của kiến tư hoặc. Cùng có cái trí xem thấu ấy, nhưng ví với bậc Duyên-giác lại hơn nữa, cho nên sở chứng được cái

1. *Pháp-cảnh*: Hiện cảnh của hết thảy cái có ở trong thế-gian.

2. *Hoặc-vọng*: Sai lầm.

3. *Tập-khí*: Thói quen.

chân-không rất sâu. Vậy cùng một thuyết Thập-nhị nhân-duyên mà mỗi bậc người tùy cái trí hơn kém mà hiểu được sâu hay nông.

Nay ta muốn hiểu rõ cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên theo cái trí thấp hèn của ta, thì tôi tưởng nên tham khảo các kinh bên Đại-thặng và bên Tiểu-thặng cùng những ý-kiến của các nhà Phật-học đời nay, rồi hòa hợp hết các ý nghĩa mà chiết-trung ⁽¹⁾ lấy cái nghĩa chính đáng.

Theo sách *Thiên-thai Tứ-giáo-nghi* 天台四教儀, thì trong cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên có ba điều cốt-tử là: *Hoặc* 惑, *Nghiệp* 業 và *Quả* 果, gồm cả tam thế: quá-khứ, hiện-tại và vị-lai. Vô-minh là cái hoặc quá-khứ; Hành là cái nghiệp quá-khứ; Thức, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc, Thụ là cái quả hiện-tại; Ái và Thủ là cái hoặc hiện-tại; Hữu là cái nghiệp hiện-tại; Sinh và Lão tử là cái quả vị-lai. Ba điều cốt-tử ấy kê ra thành cái biểu sau này:

1. Hoặc	{	Vô-minh	: quá-khứ hoặc (nhân)	{	hiện-tại nhị hoặc (nhân)
		Ái			
		Thủ			
2. Nghiệp	{	Hành	: quá-khứ nghiệp (nhân)	{	hiện-tại nghiệp (nhân)
		Hữu	: hiện-tại nghiệp (nhân)		
3. Quả	{	Thức	hiện-tại ngũ quả (quả)	{	
		Danh-sắc			
		Lục-nhập			
		Xúc			
		Thụ			
		Sinh			
Lão tử	vị-lai nhị quả (quả)	{			

1. *Chiết-trung*: Chọn lấy phần giữa.

Xem như thế, thì Vô-minh, Ái và Thủ gây ra cái hoặc, mà Hành và Hữu gây ra cái nghiệp. Do cái hoặc và cái nghiệp mà thành ra cái quả hiện-tại và tương-lai, nghĩa là vì cái mờ-tối lầm-lẫn và sự tham-muốn khát-khao mà gây ra sự sống chết và sự khổ não ở đời.

Thập-nhị nhân-duyên còn có tên là *Thập-nhị duyên-khởi* 十二緣起 (pratitya samutpâda) là lấy cái tướng nghiệp quả do cái nhân-duyên của mười-hai thứ mà khởi lên. Lại có tên là *Thập-nhị hữu-chi* 十二有支, là lấy cái duyên-khởi ấy có mười-hai chi vậy.

Thập-nhị hữu-chi ấy có cái quan-hệ liên-tiếp với nhau thế nào, ta cần phải dùng cái phương-pháp triết-lý khoa-học mà xét, thì mới rõ-ràng minh-bạch. Cái phương-pháp ấy có hai lối: Một là theo diễn-dịch-pháp (déduction), xét từ cái nhân nguyên-thủy⁽¹⁾ là Vô-minh mà xét lần xuống đến cái quả cuối cùng là Lão tử; hai là theo qui-nạp-pháp (induction) xét từ cái quả hiện có là Lão tử mà xét lần lên đến cái nhân nguyên-thủy là Vô-minh, theo như những lối của đức Thích-ca đã dùng mà suy nghĩ khi còn ngồi ở dưới gốc cây bồ-đề vậy. Theo hai lối ấy mà xét, thì thấy lối nọ phù-hợp⁽²⁾ với lối kia, và thấy các nhân quả liên-tiếp rất rõ-ràng.

Theo diễn-dịch-pháp, thì cái lẽ khởi đầu mà sinh ra biến-hóa và có thế-gian là Vô-minh (I). Vô-minh

1. Nguyên-thủy: Đầu tiên hết cả.

2. Phù-hợp: Đứng nhau, giống nhau.

là si-ám (1), là phiền-não-chương (2), phiền-não-hoặc (3), tức là cái mờ tối, cái ảo-vọng mộng-muội (4) nó làm cho thực là hư, hư là thực, điên-đảo quanh-quẩn, không biết rõ gì cả.

Đây ta phải dừng lại mà giải cho rõ cái nghĩa tại làm sao vì Vô-minh mà có thế-gian. Hỏi rằng : Làm sao Vô-minh lại sinh ra được thế-gian, tức là hỏi: cái gì mắc phải Vô-minh mà sinh ra vạn tượng ở trong thế-gian ? Đó là một cái vấn-đề quan-hệ đến phần hình-nhi-thượng (métaphysique) (5) mà khi Phật thuyết-pháp, Phật lại cố ý không nói đến. Vì duyên cớ gì mà Phật không muốn nói đến phần hình-nhi-thượng ? Ấy là chỗ rất hệ-trọng, mà về sau các tín-đồ chia ra phái Tiểu-thặng và phái Đại-thặng cũng bởi chỗ ấy. Phật sợ dĩ không bàn đến cái vấn-đề hình-nhi-thượng là vì cái mục-đích của đạo Phật là cầu lấy sự cần-kíp thiết-thực phải giải-quyết ngay, là sự giải-thoát khỏi cái khổ. Mà người Ấn-độ đời bấy giờ, nhất là những tín-đồ đạo Bà-la-môn, đang say đắm vào cái học hình-nhi-thượng, gây ra nhiều cái ý-kiến thiên-lệch, Phật sợ rằng nếu xưng lên cái lý-thuyết hình-nhi-thượng, thì cái học của Phật lại miên-man ra như cái học của đạo Bà-la-môn, và không khéo các tín-đồ của Phật lại hiểu lầm mà bỏ nhãng mất cái mục-đích giải-thoát, là cái

1. Si-ám : Mê tối.

2. Phiền-não-chương : Cái ngăn trở bởi sự phiền-não.

3. Phiền-não-hoặc : Cái sai lầm bởi sự phiền-não.

4. Ảo-vọng mộng-muội : Sai lầm mờ tối.

5. Hình-nhi-thượng : Phần trên những vật có hình, tức là phần cao xa vô hình.

mục-dịch cốt-yếu của đạo Phật. Tuy Phật không nói đến những điều siêu-việt về phần hình-nhi-thượng với những người thường, nhưng vẫn có ý để trống những điều ấy cho những người có lợi-căn (1) tự lý-hội (2) lấy. Xem như khi Phật ở trên núi Linh-sơn, ngồi cầm hoa mà trông chúng, có Ca-diếp tôn-giả nở mặt mỉm cười, hiểu được *chính-pháp-nhơn tàng* 正法眼藏, mà được truyền y bát (3), thì đủ biết trong phép Phật có nhiều điều Phật không nói ra mà người ta cũng hiểu được. Chính-pháp-nhơn tàng là nói thấy rõ khắp hết thấy cái công-đức vô-lậu (4) trong chính-pháp của Phật-học. (Chính-pháp-nhơn là con mắt trông rõ cái chính-pháp, tàng là nói bao-quát khắp hết thấy). Trong cái thuyết Thập-nhi nhân-duyên này cũng vậy, Phật không nói rõ là cái gì mắc phải Vô-minh, nhưng xét ra thì biết rằng cái đã bị Vô-minh che lấp, là cái chân-thể, cái bản-tính, tức là phật-tính hay là chân-như.

Đáng lẽ cái chân-như cứ im-lặng sáng-suốt, không mắc vào sự biến-hóa. Chỉ vì có Vô-minh nó làm cho cái chân-như mê-muội đi, mới khởi ra sự hành-động tạo-tác, gây ra vạn tượng ở trong thế-gian. Tựa như nước ngoài biển, vì có gió mà cuộn-cuộn lên thành các ngọn sóng. Chân-như là nước biển, các ngọn sóng là vạn tượng. Hết hết gió là nước lại im lặng.

1. Lợi-căn: Gốc tốt, nghĩa là người có thiên-tư tốt, hiểu chóng biết dễ.

2. Lý-hội: Tự hiểu lấy.

3. Y bát: Áo cà-sa và bát, nghĩa bóng là đạo-thống.

4. Vô-lậu: Không sót.

Vậy thế-gian mà có là bởi có Vô-minh. Vì Vô-minh làm thêm ra cái duyên, cho nên chân-như mới nhờ có cái duyên ấy mà hành-động tạo-tác và kết-tập kết-cấu thành ra Hành (II). Đã hành-động tạo-tác là khởi đầu bước vào cuộc biến-hóa. Sự hành-động tạo-tác ở trong cuộc biến-hóa, tuy có rồi lại biến đi, nhưng đã hành-động tạo-tác, thì sự hành-động tạo-tác ấy để lại cái di-tích, cái thừa-thãi, nó tụ-hợp lại mà thành ra cái nghiệp. Có Vô-minh và Hành làm duyên, cho nên cái hoặc và cái nghiệp lôi kéo cái chân-như đến chỗ sinh-hóa. Ấy thế là Hành làm duyên cho Thức (III).

Cái thức ấy gọi là *tương tục thức* 相續識, hay là *tùy nghiệp thức* 隨業識, hay là *tâm sở* 心所, nghĩa là một thứ thức-tâm theo cái nghiệp mà sinh sinh hóa hóa, biết phân-biệt tâm với cảnh, người với ta, chủ với khách, tức là cái ý-thức, hay là cái « ngã 我 », hoặc gọi cho dễ hiểu hơn nữa là cái thần-hồn. Phạm đã gọi là *hữu tình* 有情, tức là sinh-vật ở trong thế-gian, thì giống nào cũng có cái thức ấy. Trong mười-hai nhân-duyên thì Thức làm chủ, và cứ lưu-chuyển ở trong lục đạo luân-hồi. Cái thức-tâm ấy bị cái hoặc và cái nghiệp lôi kéo đi đến chỗ sinh, tức là đi đầu-thai, thì chỉ trong khoảng một nháy mắt là cảm cái ái làm mầm, làm giống, rồi nập cái tướng mà thành ra cái thai. Nghĩa là trong khi ấy cái thức-tâm cùng với tình-ái và tinh-huyết của cha mẹ hợp làm một khối. Cái khối ấy có phần vật-chất như : *địa, thủy, hỏa, phong* (tụ đại), gọi là sắc, và có phần tinh-thần như : *thụ, tướng, hành-*

thức, gọi là danh, vì phần ấy chỉ có danh, tức là có tên gọi, mà không có hình-chất. Hai phần ấy hợp thành ra một cá-vật (*individualité*) tức là Danh-sắc (IV).

Danh-sắc là mối đầu của cá-vật. Mà các cá-vật đều không có thường-định, vì rằng vạn vật ở trong thế-gian, bất cứ vật nào, từ bậc thần chí cao, cho đến các thứ sinh-vật nhỏ mọn hèn thấp, hễ đã mắc vào trong luồng sóng biến-hóa của vũ-trụ, thì không bao giờ có thường-định. Vậy thì một cá-vật là gì? Một cá-vật chỉ là một cái hoạt-động, gồm cả chủ-động và khách-động. Song sự hoạt-động ấy tự nó không có chân-thể (1), chân-tướng (2); nó chỉ là một cái ảo-tượng vụt còn vụt mất, không có gì là chân-thực. Như thế, thì cá-vật chỉ là một sự kết-tập kết-cấu (3) vô-thường ở trong cuộc biến-hóa mà thôi. Song những hữu-tinh (4) tuy là vô-thường vô-định, nhưng đã có ý-thức, có cảm-giác, thì cũng có thể nói là có đượ, có một cách tương-đối vô-thường. Thế thì những hữu-tinh ấy lấy gì mà tiếp-xúc, đối-đãi với những đối-cảnh ở ngoài? Tất là phải có các cơ-quan riêng.

Kể thực ra, thì cái lý của Thập-nhị nhân-duyên thông cả lục đạo chúng-sinh (5), nhưng trừ nhân-loại ra, các loài chúng-sinh khác có nhiều loài không có đủ lục-căn, cho nên đây chỉ nói về người là giống

1. *Chân-thể*: Cái thể thực có.

2. *Chân-tướng*: Cái tướng thực có.

3. *Kết-tập kết-cấu*: Kết-tập là góp lại, hợp lại. Kết-cấu là thành ra.

4. *Hữu-tinh*: Vật sống ở trên đời.

5. *Lục đạo chúng-sinh*: chúng sinh ở trong sáu đạo như là: cõi trời, người, tu-la, ngã quỷ, súc sinh, địa ngục.

có hoàn-toàn đủ các cơ-thể. Vậy sau khi cái thức-tâm đã đầu-thai rồi, do cái sức xiển-chuyển⁽¹⁾ của Danh-sắc mà cái thai hấp lấy lục-trần 六塵 là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thành ra có lục-căn 六根 là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Rồi dần dần lục-căn đều khai-trương ra để thụ-dụng được lục-trần. Ấy thế là Danh-sắc làm duyên cho Lục-nhập (V). Lục-nhập là những khí-cụ của ta dùng để xúc-tiếp với lục-trần ở ngoại cảnh. Vậy khi lục-căn đã thành-thực⁽²⁾, bèn ở trong thai ra, xúc-đối với lục-trần mà nạp-thụ⁽³⁾ lấy. Ấy thế gọi là Xúc (VI). Trong khi xúc-đối với lục-trần ở ngoài, thì ta nạp-thụ được những sự yêu thích hay ghét bỏ, hoặc là những thế-lực của tiền-cảnh. Ấy thế là ta có sự cảm-giác, tức là Thụ (VII). Xúc với Thụ thì từ lúc sơ-sinh cho đến lão-tử cứ tương-tục không lúc nào gián-đoạn.

Ngay lúc ta nạp-thụ mọi điều của tiền-cảnh⁽⁴⁾, ta không rõ những điều ấy là hư-vọng⁽⁵⁾, bèn theo nó ở cái cảnh mà sinh ra yêu-mến ham-thích. Ấy thế gọi là Thụ làm duyên sinh ra Ái (VIII). Vì sự yêu-thích mê-muội làm duyên, cho nên mới nhận định những cảnh hiện-tiền mà sinh ra lòng muốn bảo-thủ những cảnh ấy, rồi cứ khao-khát cố truy-tầm⁽⁶⁾ cho được. Dù bao nhiêu những sự ham-muốn yêu-

1. Xiển-chuyển : Quấn-quít.

2. Thành-thực : Thành hẳn rồi.

3. Nạp-thụ : Thu chịu.

4. Tiền-cảnh : Cảnh hiện ra trước mắt.

5. Hư-vọng : Sai lầm không thực.

6. Truy-tầm : Tìm tòi.

thích của ta không mấy khi làm cho ta được thật thỏa-thích, nhưng cũng đủ làm cho ta đắm đuối vào sự sống ở đời, cho nên ta vẫn biết đời là khổ, mà ta cứ cố ôm lấy sự sống, cố giữ lấy sự sống cho được, cố lăn-lộn vào trong cuộc biến-hóa mà lấy sự sống. Ấy thế gọi là Thủ (IX).

Ta ở trong cuộc biến-hóa là khổ, nhưng vì có sự mê-muội của cái Thủ làm duyên, cho nên sự tham-dục mạnh lên, rồi cố truy-tầm những sự mình đã ham-muốn trong ngũ trần, cố nuôi lấy sự sống, và tạo-tác ra các cái nghiệp. Những cái nghiệp ấy tích-tập⁽¹⁾ lại thành ra cái quả *tam hữu* 三有, là *dục hữu*, *sắc hữu* và *vô sắc hữu*, rồi do cái sức khiên-dẫn⁽²⁾ của cái nghiệp nó lôi mình đến chỗ sinh ra kiếp sau. Thế là ta nuôi lấy sự biến-hóa, thì sự biến-hóa lại bắt ta phải sống, phải có ở trong biến-hóa. Ấy thế là Hữu (X). Hữu là cái nghiệp nhân có sẵn để lại sinh ra kiếp sau, mà sở dĩ có Hữu là bởi có Thủ làm duyên, cho nên Thủ với Hữu là cái hoặc với cái nghiệp hiện-tại rất nặng.

Theo cái Hữu thì lại có cái báo về sau, là lại sinh ra ở đời, nghĩa là theo cái nghiệp thiện hay nghiệp ác đã có ở kiếp này mà sinh ra kiếp sau. Ấy thế gọi là Hữu làm duyên cho Sinh (XI). Đã thụ sinh ra kiếp sau, thì cái thân ngũ ấm⁽³⁾, là thân ta có đây, chín rồi lại nát, tức là lại có già có chết. Ấy thế là Lão tử (XII).

1. *Tích-tập*: Góp hợp lại.

2. *Khiên-dẫn*: Lôi giắt.

3. *Ngũ ấm*: Năm cái mờ tối, tức là ngũ uẩn.

Xét theo lối diễn-dịch như thế, thì ta thấy Vô-minh duyên Hành, Hành duyên Thức, cho đến Sinh duyên Lão tử, nghiệp và quả theo nhau không dứt, và các mối nhân-duyên liên-tiếp nhau rất là mật-thiết, không đâu là gián-đoạn cả. Nay ta lại theo lối qui-nạp mà xét ngược lại xem các mối của nhân-duyên có phù-hợp như thế không.

Theo lối qui-nạp mà xét, thì khởi từ cái hiển-hiện thực có là Lão tử (XII). Tại sao có Lão tử? Có Lão tử là vì có Sinh (XI). Ta sinh ra ở đời là vì ta ham-muốn sự sống, rồi gây ra cái nghiệp nó lôi kéo ta vào cuộc biến-hóa và bắt buộc ta phải sinh, phải có, tức là Hữu (X).

Lão tử, Sinh và Hữu, ba cái nhân-duyên ấy thuộc về cái phạm-vi chung cả vạn vật ở trong thế-gian. Còn những nhân-duyên khác từ Thủ trở đi, thuộc về phạm-vi riêng về tâm-lý. Xét sự biến-hóa ở trong vũ-trụ, thì hết thấy các vật đã có là đều phải biến-hóa luôn. Đã biến-hóa là vô-thường, là khổ. Nhưng đã mắc vào trong vòng biến-hóa rồi, ta lại bị cái mờ-tối che lấp, làm cho ta lại nuôi lấy sự biến-hóa, ôm lấy sự biến-hóa, ấy là Thủ (IX). Bởi cái Thủ mà ta buộc ta vào sự biến-hóa. Ta đã nuôi lấy sự biến-hóa của ta, tức là ta nuôi lấy cái khổ của ta.

Ta lấy gì mà nuôi lấy cái khổ? Ta nuôi nó bằng sự ham-muốn yêu-thích của ta, tức là Ái (VIII). Dù rằng những sự ham-muốn yêu-thích của ta có làm cho ta được thỏa-thích hay không mặc lòng, ta đã có sự ham-muốn yêu-thích, là ta bị sự mờ-

tối của sự ham-thích, làm cho ta cứ đăm-đuối vào sự sống ở đời. Tại làm sao mà có cái Ái mạnh như thế? Tại có sự cảm-giác, nó làm cho ta lĩnh-nạp⁽¹⁾ lấy lục-trần ở ngoại-cảnh mà có sự ham-muốn yêu-thích. Sự cảm-giác ấy tức là Thụ (VII). Cái Thụ của ta mà có, là do ở sự xúc-tiếp với ngoại vật; sự xúc-tiếp ấy, tức là Xúc (VI). Giả sử ta không có những cơ-quan để xúc-tiếp và để cảm-giác, thì sự xúc-tiếp và sự cảm-giác không thế nào có được. Nhưng ta có sáu cơ-quan để xúc-tiếp và để cảm-giác, tức là Lục-nhập (V).

Ta đã có giác-quan, có xúc-tiếp, có cảm-giác, tất là ta thành ra một cá-vật ở trong vạn vật. Cá-vật chỉ là một sự kết-tập kết-cấu vô-thường ở trong cuộc biến-hóa mà thôi, nhưng đã kết-tập kết-cấu thành ra một vật, thì vật ấy tất phải có danh có hình, tức là Danh-sắc (IV).

Danh-sắc chỉ là một cái ảo-tượng⁽²⁾ như một ngọn sóng ở trong luồng sóng của vạn pháp, chứ không có gì là chân-thực. Nhưng bởi đâu mà có cái ảo-tượng ấy và lại sinh ra được sự cảm-giác, sự ham-muốn và sự khổ? Bởi có cái Thức (III). Ví bằng không có Thức, thì các cái nhân khác như Danh-sắc, Thụ, Xúc, Ái, Thủ, đều không có được. Vậy Thức là cái mối đầu gây ra cái khổ. Nhưng Thức sở dĩ có, là vì cái chân-như đã hành-động tạo-tác và kết-tập kết-cấu thành cái nghiệp để làm

1. *Lĩnh-nạp* : Nhận thu lấy.

2. *Ảo-tượng* : Hình tượng không thật.

duyên cho Thức phải sinh hóa mãi. Sự hành-động tạo-tác kết-tập kết-cấu của chân-như là Hành (II).

Do cái Hành mà có cái nghiệp, nó lôi kéo cái Thức vào trong cuộc biến-hóa, cho nên Danh-sắc, Xúc, Thọ, Ái, Thủ v.v. cứ có mãi, không bao giờ dứt. Tại sao cái thể chân-như lại hành-động tạo-tác để bị cái nghiệp nó trói buộc ở trong cuộc biến-hóa vô-thường như thế? Tại có cái mờ-tối si-ám làm duyên. Cái mờ-tối si-ám ấy là Vô-minh (I).

Vô-minh là gì? Đây ta nên định cái nghĩa hai chữ vô-minh cho rõ-ràng. Sách *Đại-thặng khởi-tín luận* 大乘起信論 nói rằng: « *Tinh pháp danh vi chân-như, nhất thiết nhiễm nhân danh vi vô-minh* 淨法名爲眞如一, 切染因名爲無明: Cái pháp trong sạch không có chút bụi mờ gì là chân-như, hết thấy những cái thấm nhuộm mờ-đục mà thành ra cái nhân là vô-minh.» Vô-minh chỉ là cái *niệm-khởi* 念起⁽¹⁾ của chân-như, nghĩa là chân-như hốt-nhiên có cái niệm khởi lên, rồi nhiễm cái đó làm nhân mà gây ra cái thế-gian ảo-vọng. Vậy vô-minh là do sự niệm-khởi của chân-như mà có, chứ nó vốn không có tự tính⁽²⁾. Kinh *Viên-giác* 圓覺經 lại giải-thích cái nghĩa vô-minh một cách rõ hơn nữa: « Hết thấy chúng-sinh từ thuở vô-thủy⁽³⁾ đến nay cái gì cũng điên-đảo, tựa như người mê chạy quàng chạy xiên khắp mọi nơi, nhận càn *tứ-dại* 四大 (địa, thủy, hỏa, phong) làm cái tướng của

1. *Niệm-khởi*: Cái tưởng nghĩ khởi lên.

2. *Tự tính*: Cái tính tự nó có thật.

3. *Vô thủy*: Không có lúc nào là đầu tiên.

tự thân, và cái duyên-cảnh (1) của lục-trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm cái tướng của tự tâm, ví như người đau mắt trông ở trong không có hoa hay là có hai mặt trăng vậy. Ở trong không vốn thực không có hoa, chỉ vì người có bệnh kia vọng-chấp (2) đó mà thôi. Bởi sự vọng-chấp, cho nên không những chỉ lầm ở cái tự-tính hư-không, mà còn mê cả đến chỗ cái hoa kia sinh ra nữa. Do sự vọng-hoặc ấy mà thành ra có sự luân-chuyển sinh tử, cho nên gọi là vô-minh. Cái vô-minh ấy không phải là thực có chân thể. Tựa như người nằm chiêm-bao, khi đang chiêm-bao không phải là không có, nhưng đến khi tỉnh dậy, thì biết rõ không có gì là thực. Hoặc tựa như các thứ không-hoa thấy biến mất ở chỗ hư-không, không thể nói là có chỗ mất thật được. Bởi sao thế? Bởi không có chỗ sinh. Hết thấy chúng sinh ở trong chỗ vô-sinh thấy lầm là có sự sinh diệt, cho nên mới gọi là luân-chuyển sinh tử. Đức Như-lai là bậc tu đến chỗ viên-giác (3), biết là không-hoa tức là không luân-chuyển, và cũng không có thân tâm nào chịu cái sinh-tử kia. Không phải là tạo-tác ra, cho nên không có, cái bản-tính vốn không có.»

Xem thế, thì biết Vô-minh là mờ-đục tối-tăm, không trong sạch sáng tỏ; nó chỉ là cái nhiễm-nhân (4) cùng tốt trong cuộc biến-hóa của vũ-trụ,

1. *Duyên-cảnh*: Cái cảnh bởi cái duyên sinh ra.

2. *Vọng-chấp*: Cố chấp những cái không thật.

3. *Viên-giác*: Sự giác ngộ tròn vẹn.

4. *Nhiễm-nhân*: Cái nhân vì có sự nhuộm thấm mà thành ra.

là cội nguồn vô-thủy gây ra vạn tượng ở thế-gian. Vậy ta có thể lấy cái sức của ta mà phá tan được cái Vô-minh ấy. Hễ cái Vô-minh đã phá, thì cái chân-như lại hiển hiện ra mà im-lặng sáng suốt, ấy là chứng được nát-bản, tức là giải-thoát được cái khổ vậy.

Xét theo lối diễn-dịch hay lối qui-nạp, theo lối nào cũng thấy đúng một lý như nhau và không thấy gì là gián-đoạn cả. Từ Vô-minh đến Lão tử, tuy có cách nhau mười nhân-duyên khác, nhưng Lão tử với Vô-minh vẫn liên-tiếp với nhau rất là mật-thiết, như các đoạn ở trong cái vòng tròn vậy. Đoạn sau cùng nối liền với đoạn đầu, mà có đoạn đầu mới có đoạn sau cùng, và có đoạn sau cùng mới có đoạn đầu. Xem như Lão tử là đoạn sau cùng, mà không phải đến Lão tử là hết. Lão tử rồi, lại vì có Vô-minh, và cái nghiệp trước mà sinh ra Hành và Thức. Thức lấy Vô-minh và Hành làm duyên mà đi đầu thai, lại sinh ra Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc và Thọ, ấy là lại thành ra một cá-vật. Cá-vật lại có Ái và Thủ là cái hiện-tại Vô-minh nó làm cho mê-muội đi, cho nên lại có Hữu và Sinh. Đã có Hữu và Sinh tất là lại có Lão tử. Ấy thế là cứ luân-chuyển vô cùng vô tận.

Sự luân-chuyển ấy do ở cái duyên-cảnh của vạn pháp, nghĩa là vạn pháp theo nhân-duyên mà sinh hay diệt: Duyên hợp thì sinh, duyên tan thì diệt. Sinh sinh hóa hóa do ở cả các cái duyên tích-tập mà thành ra, cho nên vạn pháp chỉ là cái thể tương-đối vô-thường mà thôi, chứ không có tự tính tuyệt-

đối(1) thường-dịnh. Vạn pháp đã không có tự tính thường-dịnh, thì sự ngã chấp(2) pháp chấp(3) của ta là sự vọng-hoặc, không có giá-trị gì cả. Muốn biết cái chân-thể tuyệt-đối, thì phải dùng cái tâm sáng-suốt, cái trí minh-mẫn mới có thể thấy được cái gọi là chân-như, là nát-bản, bất sinh bất diệt.

Xem thế thì biết rằng cái mục-dịch chân-chính của Phật-giáo là cầu lấy sự giải-thoát ra ngoài cuộc biến-hóa của thế-gian. Vậy làm thế nào mà đạt được cái mục-dịch ấy? Theo lối luận-lý trong thuyết Thập-nhị nhân-duyên, thì đại khái như thế này: « Nếu cái này có là cái kia có, — nếu cái này đã sinh ra là cái kia sinh ra, — nếu cái này không có là cái kia không có, — nếu đã phá được cái này là phá được cái kia. » Theo lối luận-lý ấy, thì vạn pháp sở dĩ có là vì có nhân-duyên; biết rõ những nhân-duyên ấy, tức là biết cái nguồn gốc sự khổ; biết cái nguồn gốc sự khổ, tức là phá được sự khổ. Vậy muốn phá sự khổ thì phải phá những nhân-duyên sinh ra cái khổ. Không có Sinh, không có Hữu, không có Thủ, không có Ái, thì cái phần cảm-giác là Thọ, Xúc, và phần cá-nhân là Lục-nhập và Danh-sắc đều không có cả; rồi không có Thức, không có Hành, thì Vô-minh cũng không có. Ấy thế là khi đã biết rõ những cái kết-quả của Vô-minh, thì ta bỏ được Vô-minh, vì rằng đã biết rõ các nhân-duyên, tức là vượt qua được nhân-duyên;

1. *Tuyệt-đối*: Cùng tốt, không có gì so sánh được.

2. *Ngã chấp*: Cố chấp cho cái ngã tướng, tức là phần riêng của ta, là có thật.

3. *Pháp chấp*: Cố chấp cho vạn pháp là có thật.

và đã hiểu thấu Vô-minh, tức là thấy rõ cái mờ-tối nó che lấp mất cái chân-tính sáng-suốt vẫn có sẵn ở trong tâm ta. Thấy rõ cái mờ tối ấy, ắt là có thể thấy được cái chân-thực. Vậy Phật đã biết rõ cái duyên-do sự khổ ở trong thế-gian và cái nguồn gốc của thế-gian, cho nên Phật dạy người ta tìm cách mà giải-thoát. Bởi chưng sự sinh-hóa chỉ do nhân-duyên hòa-hợp mà thành ra, chứ không phải là do một vị thần nào chủ-trương, thì sự giải-thoát của ta cũng không phải nhờ đến vị thần thánh nào cả, ta chỉ cốt tự mình cố sức mà hiểu lấy, biết lấy, tức là giải-thoát được. Phàm có sự lầm lẫn, mà khi đã biết là lầm lẫn, là không lầm lẫn nữa. Vậy chỉ có sự biết sáng suốt là tự nó đủ làm cho ta giải-thoát được mà thôi.

Có Hữu, có Sinh, là có khổ; làm cho không có Hữu, không có Sinh, là giải-thoát. Song sự giải-thoát không phải là chỉ phá lấy một đoạn trong mười-hai đoạn, nghĩa là không phải tự hủy tự hoại⁽¹⁾ cái bản thân của ta hay một phần nào trong bản-hân mà giải-thoát được. Sự tự hủy tự hoại thân-thể của ta, lại buộc chặt ta vào trong luân-hồi khổ-não, cho nên đạo Phật lấy sự tự hủy tự hoại thân-thể làm tối kỵ. Muốn giải-thoát thì tự tâm ta phải làm cho sáng tỏ ra, rồi phá dần cho hết các nhân-duyên, không để nó trôi buộc được ta nữa. Khi các nhân-duyên đã phá tan rồi, thì lúc ấy ta không mắc vào cuộc biến-hóa nữa, ấy mới thật là giải-thoát.

1. *Tự hủy tự hoại* : Tự mình làm hỏng nát mình, hay tự giết mình.

Sự giải-thoát ấy cốt ở cái lòng tin có sự tự-do, khiến ta cố-gắng mà tìm cách giải-thoát. Dù rằng khi ta đã mắc vào trong cái luồng bánh xe đang quay của tạo-hóa, ta không thể làm cho cái bánh xe ấy đứng dừng lại được, nhưng ta có thể làm cho ta ra ngoài cái luồng ấy mà không mắc vào nữa. Ấy là nhờ cái sức tự-do mà gây thành một cái mãnh-lực (1) để tìm cách giải-thoát ra ngoài cuộc luân-hồi sinh tử vậy.

Cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên bao-quát cả hai phương-diện : khách-quan (2) và chủ-quan (3). Khách-quan là cho ngoài cái tâm của ta, còn có cái thế-gian mà ta có thể xúc-tiếp và cảm-giác được. Tuy thế-gian ấy là ảo-vọng, nhưng ta vẫn cho là có, bởi vì các hiện-tượng có thể cảm đến ta mà gây ra cái tư-tưởng của ta. Chủ-quan là cho thế-gian mà có, là do sự xúc-tiếp và sự cảm-giác gốc ở lục-căn. Nếu không có lục-căn thì thế-gian không thật là có nữa. Vậy gồm cả hai phương-diện khách-quan và chủ-quan, thì ta có thể nói rằng : Cái thế-gian ảo-vọng kia sinh ra cái tư-tưởng, mà cái tư-tưởng lại tạo-tác ra thế-gian ảo-vọng vậy.

Khách-quan là « pháp », chủ-quan là « ngã », cả hai đều là một tấm dẹt bằng ảo-hình ảo-tượng (4),

1. *Mãnh-lực* : Sức mạnh.

2. *Khách-quan* : Quan-niệm về những vật có ở ngoài cái tâm-trí của ta.

3. *Chủ-quan* : Quan-niệm về những điều ở trong tâm-trí của ta.

4. *Ảo-hình ảo-tượng* : Hình tượng không thật.

không có gì là lâu-bền chắc-chắn cả. Muốn được giải-thoát, muốn làm cho khỏi cái khổ ở thế-gian, thì phải phá tan những ảo-hình ảo-tượng ấy đi, dè tới đến chỗ chân-thực. Cái phương-pháp để phá những sự ảo-vọng đó, là ta phải lấy trí-tuệ mà hiểu rõ sự ảo-vọng của vạn vật, vì rằng vạn vật mà có, là bởi cái tâm ta vọng nhận (1) là có. Khi cái tâm đã rõ là vạn vật không chân-thực là có, thì vạn vật là cái *sở duyên* 所緣 (2) của tâm, tức là phần khách-động, tự biến mất đi; mà rồi đến cái *năng duyên* (3) 能緣 của tâm, tức là phần chủ-động cũng nhân đó mà biến mất. Vậy thế-gian là ảo-tượng, thì bậc hiền thánh có thể lấy cái trí của mình mà phá đi được; thế-gian là cái yêu-thích ham-muốn, bậc hiền thánh có thể lấy sức mạnh của mình mà bỏ hết cái vui cái khổ cho đến cả các cảm-tình, thì hết thấy những sự yêu-thích ham-muốn đều bỏ hết được. Bỏ hết cả mặt khách-quan và mặt chủ-quan, thì vào nát-bản, tức là vào chỗ im-lặng và sáng-suốt.

Đạo Phật sở-dĩ có cái quan-niệm ấy, là vì xét thấy cả thế-gian chỉ là một cuộc tương-đối, một sự biến-hóa vô-thường, do các duyên-cảnh mà thành ra, chứ không có gì là chân-thực. Ngay như người ta đây cũng chẳng có gì là chắc-chắn là thường-định: Thân ta chỉ là sự biến-hóa luôn, cái nhân-cách của ta, tức là cái « ngã » của ta, cũng chỉ do *ngũ uẩn* 五蘊 (panca skandhas) là năm cái tích-

1. *Vọng nhận* : Nhậm lằm.

2. *Sở duyên* : Cái đã có ở ngoài, mà tương duyên với tâm.

3. *Năng duyên* : Cái đã có ở trong tâm, mà tương duyên với ngoài.

tụ lại mà thành ra. Năm cái ấy là: *sắc* (rûpa), *thụ* (vêdana), *tưởng* (samjna), *hành* (sanskara), *thức* (vijnâna). *Sắc* là cái hình-thể tức là phần hình-hài vật-chất; *thụ* là sự cảm-xúc linh-thụ; *tưởng* là sự tưởng-nhớ; *hành* là sự hành-vi tạo-tác; *thức* là sự hiểu biết. Năm cái ấy không có cái nào là duy-nhất (1), là thường-định; cái nào cũng phiến-phức bác-tạp (2). Nhưng hễ cả năm cái ấy mà tích-tụ lại thì nó gây thành cái «ngã», nghĩa là cái ta xưng là ta. Cái «ngã» của ta như thế, thì không có gì là chắc-chắn, là thường-định. Vậy mà ta lại nhận cái «ngã» ấy là chân-thực vĩnh-viễn, thì há lại chẳng phải là một sự lầm lớn hay sao?

Ta phải hiểu rằng cái «ngã» nói đây là cái «vọng-ngã» (3) tương-đối vô-thường, do cái duyên-cảnh mà có, chứ không phải là nói cái «chân ngã» tuyệt-đối. Muốn thấy rõ cái «chân ngã» tuyệt-đối, thì phải ra ngoài cuộc tương-đối, mới có thể biết được. Đó là một điều rất huyền-bí (4) của phái Đại-thặng đề lúc khác sẽ bàn. Vậy cứ theo cho đúng cái ý nghĩa cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên, thì thế-gian chỉ là một cuộc tương-đối (une relativité) và tương-tục (une succession). Tương-đối là cái này có bởi có cái kia; tương-tục là thể nọ nối tiếp thể kia, chứ không có thường-định.

Xét về đường lý-thuyết, thì cái thuyết ấy giải-quyết được cái vấn-đề hế-gian và nhân-sinh một

1. *Duy-nhất* : Chỉ có một.

2. *Phiến-phức bác-tạp* : Bề bộn lẫn-lộn.

3. *Vọng-ngã* : Cái ngã sai lầm.

4. *Huyền-bí* : Sâu xa khó hiểu.

cách hoàn-bị (1) hơn cả. Các học-phái khác, hoặc đông, hoặc tây, xưa nay phần nhiều đã nghiên-cứu về vấn-đề vạn hữu (2) ở trong vũ-trụ, tuy vẫn có nhiều lý-thuyết rất cao-thâm huyền-diệu, nhưng học-phái nào cũng cho vạn vật có cái bản-thể thực-tại, dù có nói là vạn vật do nhân-duyên mà sinh khởi ra nữa, thì cũng chỉ nói là do các thứ nhân-duyên, mà cái tự-kỷ bản-thể ở chỗ vi-ẩn (3) thành ra cái hiện-tượng hiển-lộ (4), chứ không đâu nói rằng cái bản-thể ấy là nhân-duyên. Bởi vậy cái kết-thúc sự luận-lý của các học-phái ấy tất-nhiên là phải nhận một nhân sinh ra nhiều quả. Vạn vật đã do một cái gì sinh ra, thì phải nói là có một cái nguyên-thủy. Đã có cái nguyên-thủy, thì tất phải có cái chung-chỉ (5). Vì thế cho nên các nhà tôn-giáo và các nhà triết-học không có nhà nào là không hết sức đề nói cho rõ cái nguyên-thủy của vạn vật, mà rút cục lại vẫn không nói được minh-bạch, rồi chỉ thấy cái thuyết của họ đều đến chỗ cùng không thông được.

Bên Phật-giáo thì chủ-trương cái thuyết cho nhất thiết pháp vốn không có tự-thể, chỉ vì các duyên tích-tập mà sinh ra các ảnh-tượng (6). Bởi thế cho nên suy lên đến thiên cổ về trước cũng không thấy vạn vật có thủy, mà xét đến muôn đời về sau

1. Hoàn-bị : Trọn vẹn.

2. Vạn hữu : Muôn cái có, cũng như vạn vật.

3. Vi-ẩn : Nhỏ nhặt không thấy rõ.

4. Hiển-lộ : Rõ ràng.

5. Chung-chỉ : Cuối cùng.

6. Ảnh-tượng : Hình ảnh sắc tướng.

cũng không thấy vạn vật có chung. Vạn vật đã không có thủy, không có chung, cho nên không phải miễn-cưỡng nói cái nguyên-thủy của vạn vật, và cũng không cần biết cái chung-cực (1) của vạn vật. Nhất thiết pháp đã không có tự-thể, thì nhất thiết sự sự vật vật ở trong khoảng vũ-trụ đều không có cái tính nhất-định kiên-cố thực-tại (2), và chỉ là tùy duyên mà động cả.

Đó là phần lý-thuyết rất hệ-trọng ở trong đạo Phật. Đem cái lý-thuyết ấy mà ứng-dụng ở đời, thành ra có cái hiệu-quả rất hay. Là vì chung vạn sự đã bởi cái duyên mà sinh ra, thì hễ duyên tốt là quả tốt, duyên xấu là quả xấu. Cái công-lệ đã nhất-định như thế, thì nói rằng: gây ra cái duyên làm điều lành, thì được cái quả khoái-lạc, và tạo ra cái duyên ác-nghiệp, thì được cái quả khổ-não, là rất đúng. Như thế, thì theo cái nghĩa câu: «*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành* 諸惡莫作, 衆善奉行: Mọi điều ác không làm, các điều thiện xin làm hết», thật là một điều rất quan-thiết cho thế-sự và rất hợp với tôn-chỉ của Phật-giáo.

Nói tóm lại, Phật-giáo lúc đầu tuy không nói đến phần hình-nhi-thượng, mà thành ra vẫn có phần hình-nhi-thượng; không phải là một môn triết-học mà chính là có cái triết-học rất cao. Bởi vì đạo của Phật có nhiều nghĩa-lý rất đúng với cái tinh-thần của triết-học và lại lập ra thành một lý-thuyết rất chính-đáng đối với cái quan-niệm về vũ-trụ,

1. *Chung-cực*: Cuối rốt.

2. *Kiên-cố thực-tại*: Vững bền, thực có mãi.

gồm có cả cái luân-lý rất cao-minh và cái thánh-đức rất linh-diệu thật đáng để cho vạn thế tôn sùng vậy.

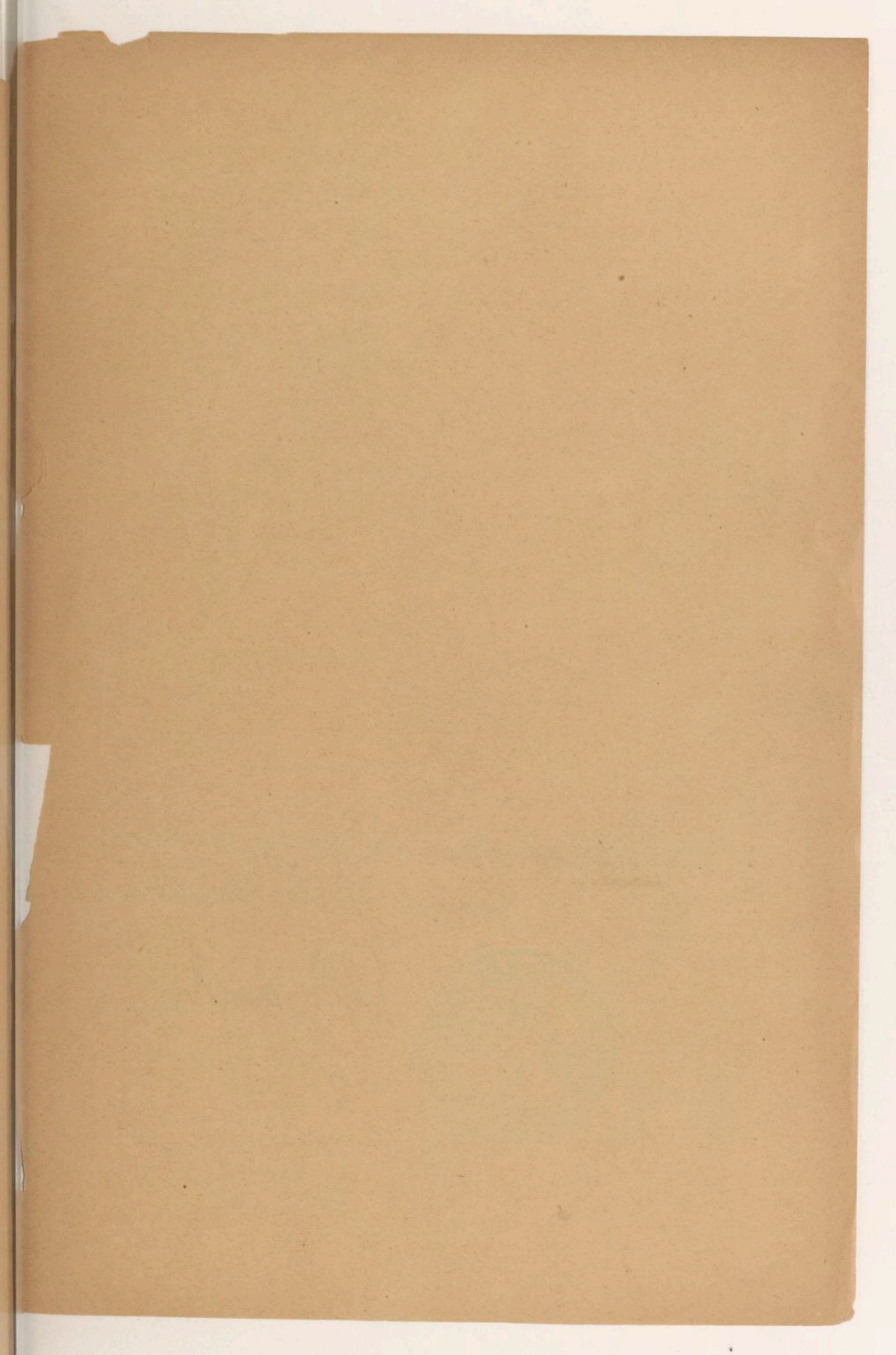
Thưa các ngài,

Chỉ có một cái thuyết Thập-nhị nhân-duyên mà tôi nói đi nói lại mãi, là vì cái thuyết ấy là then là khóa của đạo Phật, bao-hàm bao nhiêu nghĩa-lý sâu xa, nói không sao xiết được. Cái thuyết ấy khó như thế, cho nên ngay từ lúc đầu khi đức Thích-ca giáo-chủ mới đăc đạo, Ngài thấy cái học-thuyết của Ngài khó hiểu, đã do-dự không muốn đem ra thuyết-pháp. Nhưng chỉ vì cái lòng từ-bi bác-ái, không nỡ để chúng sinh chìm đắm trong đám mê-muội, cho nên Ngài mới đem cái đạo của Ngài truyền-bá ra ở thế-gian để cứu độ chúng sinh. Cái đạo ấy lưu-truyền đến ngày nay, trải qua bao nhiêu thế-kỷ, có bao nhiêu những nhà hiền-triết xưa nay đã đem hết tâm trí mà suy-nghi tim-tò, và đã công-nhận là hay là phải, thì ta đây há lại không nên cố-gắng mà hiểu lấy một đôi chút, gọi là cũng có một phần theo đòi về sự tìm cho ra cái chân - lý. Có một điều ta rất nên chú-ý, là đạo Phật chỉ cầu lấy trí-tuệ mà hiểu biết, chứ không chủ lấy sự mê-muội mà làm mờ tối người ta, cho nên chính đạo Phật là chỉ có sự sáng suốt, mà không có sự mê-tín. Những sự mê-tín làm xằng tin nhảm là những sự rất trái với đạo Phật. Vậy nên những người đã hiểu rõ đạo Phật là không tin theo những điều huyền-hoặc vô lý, không làm những điều trái ngược hại đến tâm-

thần trí-não của mình. Chúng tôi muốn rằng ai đã theo đạo Phật là người có cái tâm rất sáng suốt, có cái tự-do về đường tư-tưởng và có cái sức tự-cường tự-lập mà xử thế tiếp vật (1). Nếu người mình mà hiểu được như thế và làm được như thế, thì sự tín-ngưỡng đạo Phật không những là không có hại, mà lại rất lợi cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội về đường đạo-lý và đường trí-tuệ. Ấy là cái sở-kiến của chúng tôi, và dám mong rằng cái sở-kiến ấy không trái với cái hy-vọng chung cả mọi người ở trong nước ta vậy.

NAM - MÔ A - DI - ĐÀ PHẬT !

1. *Sử thế tiếp vật* : Ở đời mà đối đãi với mọi người mọi vật.



Certifié conforme au tirage de 200 4/
Hanoi le 14 Mars 1986



Thanh